

TRẦN BẠCH ĐĂNG - NHÀ SỬ HỌC

TRẦN ĐỨC CƯỜNG

Trần Bạch Đằng sinh ngày 15/7/1926 tại xã Hòa Thuận, huyện Giồng Riềng, tỉnh Rạch Giá (nay là tỉnh Kiên Giang). Ông là một trí thức nổi tiếng, một học giả uyên bác, một nghệ sĩ đa tài, hoạt động trên nhiều lĩnh vực và lĩnh vực nào cũng để lại những dấu ấn đậm nét. Bài viết lược thuật lại những cống hiến của ông trên các lĩnh vực hoạt động chính trị, văn hóa, văn học, đặc biệt là những đóng góp quan trọng về nghiên cứu lịch sử Việt Nam và Nam Bộ.

Trần Bạch Đằng là nhà hoạt động cách mạng kiên trung, sắc sảo. Đồng bào, đồng chí biết Ông qua các trọng trách: Ủy viên Đoàn chủ tịch Mặt trận Dân tộc giải phóng Miền Nam Việt Nam, Bí thư Thành ủy Sài Gòn, phụ trách Ban Tuyên huấn Trung ương Cục Miền Nam, Phó Trưởng ban Dân vận Trung ương... Còn chúng tôi, những người lính, những cán bộ của ông, thường gọi ông là chú Tư Ánh, anh Tư Ánh tùy theo lứa tuổi.

Là nhà thơ, chủ yếu dưới bút danh Hưởng Triều, ông đã cho ra đời các tập thơ như: *Bài ca khởi nghĩa, Hành trình, Theo sóng Đồng Nai, Đất nước lại vào xuân, Những cái tên đồng*

bằng, Tuyển tập Hưởng Triều.

Là nhà văn, ông thường ký tên Nguyễn Trường Thiên Lý dưới các tác phẩm: *Bác Sáu Rồng, Một ngày của Bí thư Tỉnh ủy, Chân dung một quản đốc, Ngày về của ngoại.*

Là một kịch tác gia, ông đã cho ra đời các vở kịch *Trần Hưng Đạo bình Nguyên, Nửa tuần trăng kỳ lạ; Tình yêu và lời đáp, Một ngày hè oi ả, Một mối tình.*

Ông còn là tác giả của một số kịch bản điện ảnh như: *Ông Hai cũ (2 tập), Dòng sông không quên, Ván bài lật ngửa (8 tập).* Kịch bản điện ảnh *Ván bài lật ngửa* của ông sau khi được dựng thành bộ phim nhiều tập đã có sức hấp dẫn lạ thường với mọi lứa tuổi trong Nam, ngoài Bắc... Người ta hồi hộp theo dõi số phận người chiến

sĩ tình báo Nguyễn Thành Luân - tên nhân vật chính trong phim - với sự lo âu và phần chấn...

Với tư cách là nhà nghiên cứu, ông tham gia biên soạn hoặc làm chủ biên nhiều công trình đồ sộ như *Địa chí văn hóa Thành phố Hồ Chí Minh (3 tập)*, *Địa chí Đồng Tháp Mười*, *Địa chí Sông Bé* và chủ biên, đồng chủ biên một số bộ sách lịch sử lớn khác...

Là một nhà báo từ năm 17 tuổi, ngay khi mới tham gia cách mạng, ông đã được giao phụ trách tờ *Chống xâm lăng* của Thành ủy Sài Gòn. Đến năm 1951, ông làm Tổng biên tập báo *Nhân dân miền Nam* của Trung ương Cục miền Nam. Kể từ những tháng, năm ấy, dù có lúc là người phụ trách công tác văn hóa, văn nghệ, báo chí của Ban Tuyên huấn Trung ương Cục miền Nam hay khi không trực tiếp chịu trách nhiệm về công tác báo chí, ông luôn luôn thể hiện là một nhà báo nhạy bén, sắc sảo và quyết liệt. Bài của ông in thường xuyên trên các báo *Nhân dân*, *Lao động*, *Sài Gòn Giải phóng*, *Tuổi trẻ*, *Thanh niên*, *Phụ nữ*,... Chủ đề các bài viết của ông trải rộng từ kinh tế, chính trị, đến văn hóa, xã hội, văn học, nghệ thuật... Ông có những nhận định sâu sắc, giàu tính thuyết phục về đẩy mạnh sự nghiệp Đổi mới, về chống các biểu hiện tiêu cực... trong nhiều lĩnh vực.

Nhìn lại các công trình của Trần Bạch Đằng, có thể thấy rõ một điều là: ở ông, có một sự đan xen, hài hòa giữa con người chính trị nhìn xa trông rộng với con người báo chí nhạy bén, sắc

sảo, con người văn hóa, con người nghệ sĩ tài hoa và con người khoa học uyên thâm. Sự hiểu biết sâu sắc của ông về lịch sử, văn học, triết học... thể hiện trong sáng tác văn chương, trong các bài báo mang tính cập nhật, nhạy bén trước thời cuộc... Và cùng với đó, trong các công trình khoa học mà ông chủ trì, cũng như các bài viết của ông, người đọc dễ dàng nhận thấy có sự cởi mở, phóng khoáng với lối diễn đạt dung dị, không công thức, nặng nề, nhưng mang nhiều ý tứ mới, lạ và có tính tổng kết.

Trong phần *Tổng luận* của *Địa chí văn hóa Thành phố Hồ Chí Minh*, ông viết: “Quá trình Nam tiến chính là quá trình đổi mới và nâng cao sức sống của dân tộc. Mỗi một vùng đất mà dấu chân người Việt đặt tới, ngoài ý nghĩa mở rộng cương thổ, thêm tiềm năng và khả năng vật chất, còn đóng góp vào tri thức dân tộc những phát triển mới về cung cách chiến đấu chống thiên nhiên, tổ chức tập đoàn xã hội, cung cách cư xử giữa người với người... Trên con đường “tha phương cầu thực” và chạm trán với hoang sơ, người đi khai hoang đương nhiên phải gói gọn hành trang sao cho thích ứng, đồng thời phải sáng tạo cách nghĩ, cách làm cho phù hợp với điều kiện khách quan. Nghi lễ cung đình, lễ thói quan dạng khó mà đeo đẳng những người đi chân đất, chỉ bằng mồ hôi, mới tạo ra của cải” (Trần Văn Giàu - Trần Bạch Đằng - Nguyễn Công Bình, tập I, 1987, tr. 425-426)⁽¹⁾.

Trong vài chục năm gần đây, giới nghiên cứu khoa học xã hội, trước hết là các nhà sử học, khi nhìn lại những công trình đã công bố trong Nam ngoài Bắc, đều nhận thấy một số “khoảng trống” cần được bổ sung, làm rõ. Trong đó, có điểm cần nhấn mạnh: lịch sử Việt Nam, bên cạnh tính toàn diện, cần thể hiện tính toàn thể trong đó coi lịch sử Việt Nam là lịch sử hình thành và phát triển của cộng đồng - dân tộc Việt Nam gồm 54 tộc người. Trong bộ *Lịch sử Việt Nam* nhiều tập do Hội đồng Khoa học xã hội TPHCM và Viện Khoa học xã hội tại TPHCM thực hiện (do Trần Văn Giàu, Trần Bạch Đằng và Mạc Đường đồng chủ biên) có nêu rõ: “Chúng tôi cho rằng, công việc biên soạn Thông sử của nước ta từ vài thập niên vừa rồi đã thành công lớn, tập trung ở bộ *Lịch sử Việt Nam* do Viện Khoa học xã hội Việt Nam và bộ *Lịch sử Việt Nam* do Trường Đại học Sư phạm Hà Nội biên soạn. Tuy nhiên, nhận thức lịch sử luôn là sự tìm tòi, phát hiện. So với trước đây, nguồn tư liệu hiện nay khá dồi dào, xuất phát từ nhiều hướng. Vì những lý do khách quan, trong các bộ Thông sử đã công bố vẫn có những khoảng trống cần được đánh giá lại hoặc bổ sung. Lịch sử Việt Nam tuy chủ yếu là lịch sử người Kinh nhưng nó không thể không phản ánh một cách cân xứng lịch sử các dân tộc hình thành ra cộng đồng dân tộc Việt Nam. Hình thể Việt Nam trải dài trên 2.000km, thời gian ra đời có sớm và có muộn, cho nên tính toàn quốc phải được coi trọng. Và, nói như Fustel de

Coulanges “Tinh thần yêu nước là một đức hạnh, còn lịch sử là một khoa học, đừng nên lẫn lộn với nhau” (Hội đồng Khoa học xã hội TPHCM và Viện Khoa học xã hội tại TPHCM, 2001, tập I, tr. 20)⁽²⁾.

Hiểu rõ mối quan hệ biện chứng giữa khoa học lịch sử và chính trị như đã nêu là một quan niệm đúng đắn, khách quan, khoa học. Có như vậy, mới phát huy hết vai trò của khoa học lịch sử. Giáo sư Trần Văn Giàu đã viết Lời đề từ *Lịch sử Việt Nam* (tập I do ông cùng Trần Bạch Đằng và Mạc Đường chủ biên): “Trong các bộ môn khoa học xã hội, không có bộ môn nào giáo dục chủ nghĩa yêu nước, lòng tự hào dân tộc, ý chí phấn đấu và rèn luyện nhân cách cho thanh niên bằng bộ môn Lịch sử, trước hết là lịch sử dân tộc” (Hội đồng Khoa học xã hội TPHCM và Viện Khoa học xã hội tại TPHCM, 2001, tập I, bìa 4)⁽³⁾.

Lịch sử Nam Bộ kháng chiến là một công trình đồ sộ gồm 2 tập; tập I (1945-1954: 955 trang; tập II (1954-1975): 1666 trang. Công trình được thực hiện dưới sự chỉ đạo của một Hội đồng do ông Võ Văn Kiệt, nguyên Ủy viên Bộ Chính trị, nguyên Thủ tướng Chính phủ, nguyên Cố vấn Ban Chấp hành Trung ương Đảng làm Chủ tịch và được một Ban biên soạn gồm nhiều nhà nghiên cứu có uy tín thực hiện, trong đó Trần Bạch Đằng làm chủ biên và Nguyễn Trọng Xuất làm thư ký. Kèm theo công trình còn có tập *Biên niên sự kiện lịch sử Nam Bộ kháng chiến (1945-1975)*: 1042 trang

và *Những vấn đề chính yếu trong lịch sử Nam Bộ kháng chiến (1945-1975)*: 1319 trang. Tổng cộng cả bộ sách là 4972 trang.

Trong *Lời nói đầu* bộ sách, Chủ tịch Hội đồng Chỉ đạo biên soạn *Lịch sử Nam Bộ kháng chiến* viết: “Công trình *Lịch sử Nam Bộ kháng chiến* tập trung phản ánh cuộc đấu tranh cách mạng của Việt Nam diễn ra trên địa bàn Nam Bộ trong giai đoạn từ 1941 đến 1978 qua ba thời kỳ: Chống thực dân Pháp, chống đế quốc Mỹ và chiến tranh bảo vệ biên giới phía Tây Nam, chống bọn Pôn Pốt xâm lược.

Bộ Chính trị và Chính phủ chủ trương thực hiện công trình nghiên cứu lịch sử này vì vị thế của kháng chiến Nam Bộ trong kháng chiến toàn quốc. Nam Bộ là một địa phương, nhưng là một địa phương mở đầu và kết thúc hai cuộc kháng chiến lớn của dân tộc, góp phần quan trọng vào chiến tranh bảo vệ biên giới Tây Nam của Tổ quốc. Tính cách địa phương ở đây không đơn thuần chỉ diễn tiến trên một địa bàn, mà cần được nghiên cứu ở tác động của địa bàn ấy đối với toàn quốc như chính lịch sử dân tộc đã chứng minh” (Hội đồng Chỉ đạo Biên soạn *Lịch sử Nam Bộ kháng chiến*, 2010, tập I, tr. 25)⁽⁴⁾.

Quán triệt tinh thần ấy, Ban biên soạn hai tập *Lịch sử Nam Bộ kháng chiến* đã giải quyết thấu đáo mối quan hệ giữa lịch sử kháng chiến chống Pháp và lịch sử kháng chiến chống Mỹ của cả nước với cuộc kháng chiến của quân và dân Nam Bộ. Trong cái chung,

kháng chiến của cả nước đã bao gồm kháng chiến của quân và dân Nam Bộ. Cuộc kháng chiến ấy được thể hiện rõ qua các hành động bất khuất, kiên cường của quân và dân Nam Bộ trong vai trò của người *đi trước*, với hàm nghĩa quân và dân Nam Bộ hành động với tư cách lực lượng xung kích trong cuộc kháng chiến, xả thân vì đất nước chung của dân tộc, kế tiếp truyền thống yêu nước, truyền thống bất khuất do cha ông để lại với tâm thức “Dù xa nơi chôn nhau, cắt rốn hàng ngàn dặm, người Nam Bộ nào cũng nghe vang vọng trong tâm khảm cội nguồn Việt Nam, cội nguồn “con Lạc, cháu Rồng”, những hậu duệ của các Vua Hùng. Người Nam Bộ nào cũng tự hào với các mẫu Anh hùng dựng nước và giữ nước như Hai Bà Trưng, Ngô Quyền, Lý Thường Kiệt, Trần Quốc Tuấn, Lê Lợi, Nguyễn Trãi, Nguyễn Huệ... Tất cả là chất liệu nuôi dưỡng lâu dài tính cách con người Việt Nam ở Nam Bộ” (Hội đồng Chỉ đạo Biên soạn *Lịch sử Nam Bộ kháng chiến*, 2010, tập I, tr. 28)⁽⁵⁾.

Là người gắn bó với các vấn đề của đất nước, Trần Bạch Đằng sử dụng thể mạnh của một cây bút chính luận để viết hàng ngàn bài báo trong khoảng 25 năm cuối thế kỷ XX. Các bài viết của ông thuộc nhiều lĩnh vực: kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội... Nhiều bài viết trong đó mang tính lịch sử hoặc có liên quan đến lịch sử đất nước. Năm 2000, ông đã tập hợp trên 100 bài in trong tuyển tập *Đổi mới - Đi lên từ thực tế* (Nhà xuất bản Trẻ, 2001, 1.092 trang). Các bài viết được chia

làm 3 phần chính: Phần I: Thôi thúc của Đổi mới; Phần II: Gian nan bước đầu; Phần III: Chín năm cho một hồi sinh. Các bài viết đã đề cập đến những vấn đề lịch sử: *Tháng Tám: Ước mơ và hiện thực, Chờ bao nhiêu đạo thuyền không khẳm, đăm mấy thẳng gian bút chẳng tà, Nhân xem “Nguyễn Trãi ở Đông Quan” bàn về sự “ám chỉ” và “nhân danh”, Vài suy nghĩ về nghiên cứu lịch sử quân sự, Từ Cương lĩnh “Người cày có ruộng” đến Cương lĩnh “nông dân làm giàu”, Lịch sử quân sự hiện đại qua các ấn phẩm và Tạp chí Lịch sử quân sự, Từ Nam Bộ kháng chiến đến Toàn quốc kháng chiến - cái thuở ban đầu, 300 năm thành phố Sài Gòn - Hồ Chí Minh, Có một Mậu Thân như thế, Bảy mươi năm sáng tạo, Bảy thập kỷ gánh vác trọng trách trước dân tộc và nhân dân...*

Thật không dễ dàng khi giới thiệu trong một bài viết nhỏ những suy nghĩ của ông về lịch sử. Ở đây, chúng tôi chỉ xin nêu lên một vài nét chấm phá để thấy được một số quan niệm của ông về lịch sử và việc viết sử. Ông cho rằng, trong việc viết về lịch sử chống ngoại xâm, “Chiến thắng cần phân tích sâu sắc, chiến bại cũng đòi hỏi như thế. Không phải tác dụng giáo dục duy nhất nằm trong chiến thắng; bài học thất bại mang ý nghĩa quan trọng không kém. Phân tích các trận đánh không thành công trong lịch sử chẳng khiến lòng tự hào bị giảm sút chút nào. Chúng ta vẫn nhắc: Nhân dân ta dựng nước và giữ nước cực kỳ khó khăn, hy sinh hết thế hệ này đến

thế hệ khác. Thế thì, với cách phân tích lịch sử nào đó, lòng tự hào bị xúc phạm bởi lẽ chúng ta chiến thắng quá dễ dàng. Đây không chỉ là yêu cầu của khoa học nghiên cứu lịch sử mà của công tác giáo dục lịch sử nói chung, bất kể thể hiện dưới hình thức nào, kể cả hư cấu văn học” (Trần Bạch Đằng, 2002, tr. 236-237)⁽⁶⁾.

Phát triển quan niệm ấy về nghiên cứu lịch sử, trong một bài viết khác, ông cho rằng: “Nghiên cứu khoa học lịch sử là giải thích bằng quan điểm duy vật các hiện tượng có thật đã qua. Nó ngược hẳn với việc bắt các hiện tượng có thật đã qua phục tùng ý định đã sẵn, “gọt xén chân lịch sử cho vừa với đôi giày tư duy khuôn mẫu hiện nay của chúng ta” (Trần Bạch Đằng, 2002, tr. 241)⁽⁷⁾.

Cũng trong tập sách *Đổi mới - Đi lên từ thực tế* của ông, có một nội dung rất đáng quan tâm bởi ông vừa nói đến khía cạnh xây dựng Đảng, vừa chú ý đến khía cạnh lịch sử. Nội dung ấy được thể hiện trong một bài viết được ghi chú rõ là “*Trích thư gửi đồng chí Lê Duẩn ngày 23/9/1976*”, nghĩa là trong khoảng thời gian chuẩn bị Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ IV sẽ được tổ chức vào tháng 12/1976. Sau khi nêu rõ tầm quan trọng của Đại hội Đảng lần này, được coi là “nằm ngay trong bản lề của hôm qua và ngày mai, nhìn thông suốt từ sau ra trước”, Trần Bạch Đằng viết: “Tôi day dứt trong lòng về một vấn đề, ấy là sự đánh giá lịch sử thế nào cho trung thực. Biết đâu, mười năm nữa, có kẻ nào đó xếp

đặt lại lịch sử và sĩ vả sự nghiệp mấy chục năm đánh Pháp, đánh Mỹ của chúng ta, bồi bác sự lãnh đạo của Trung ương ta trong thời kỳ lịch sử vẻ vang nhất này” (Trần Bạch Đằng, 2002, tr. 43)⁽⁸⁾. Ông nêu lên ý kiến của một người nước ngoài và có lẽ cũng là ý kiến của ông: “... một đồng chí Trung ương Luxembourg nói với tôi: chừng năm bảy năm nữa, các đồng chí Việt Nam sẽ phải giải thích cho nhân dân các đồng chí về lý do của những hy sinh mà hiện nay được xem là tuyệt đối cần thiết” (Trần Bạch Đằng, 2002, tr. 44)⁽⁹⁾.

Từ những suy nghĩ ấy, ông kiến nghị với người lãnh đạo cao nhất của Đảng: “Tôi cho rằng, Đại hội sắp tới của Đảng ta không chỉ dành cho công việc trước mắt, dù tỷ trọng của công việc đó nặng đến cỡ nào. Đại hội, trước mắt, là tổng kết lịch sử, nêu lên cái đúng và cái sai của quá trình mấy chục năm hoạt động của Đảng, mà

trung tâm là thời kỳ đánh Mỹ. Một số quan điểm phải tách bạch, rõ ràng, để đời sau chỉ có thể giải thích như thế chứ không giải thích khác được” (Trần Bạch Đằng, 2002, tr. 44)⁽¹⁰⁾.

Những ý kiến của Trần Bạch Đằng về các vấn đề lịch sử đã tròn 40 năm, song còn có ý nghĩa đến tận ngày hôm nay. Bởi vì, có nhiều việc, chúng ta đã thực hiện được, nhưng cũng có những việc phải thành thực tự nhận là còn dang dở... Nhiệm vụ của chúng ta hôm nay là cần có thêm những công trình lịch sử khách quan hơn, toàn diện hơn và do đó, góp ích cho xã hội, cho nhân dân được nhiều hơn...

Với những dẫn chứng như đã nêu, chúng tôi muốn khẳng định rằng: Trần Bạch Đằng không chỉ là một nhà hoạt động chính trị, một chiến sĩ cách mạng, một nhà thơ, nhà văn, nhà báo, nhà viết kịch tài ba, ông còn là một nhà Sử học trung thực, sắc sảo. □

TÀI LIỆU TRÍCH DẪN

1. Hội đồng Chỉ đạo Biên soạn Lịch sử Nam Bộ kháng chiến. 2010. *Lịch sử Nam Bộ kháng chiến*, tập I (1945 - 1975). Hà Nội: Nxb. Chính trị Quốc gia.
2. Hội đồng Khoa học xã hội TP HCM và Viện Khoa học xã hội tại TP HCM. 2001. *Lịch sử Việt Nam*, tập I. TP HCM: Nxb Trẻ.
3. Trần Bạch Đằng. 2002. *Đổi mới - Đi lên từ thực tế*. TP HCM: Nxb Trẻ.
4. Trần Văn Giàu - Trần Bạch Đằng - Nguyễn Công Bình (chủ biên). 1987. *Địa chí văn hóa TP HCM*, tập I: *Lịch sử*. TP HCM: Nxb. TP HCM.